

Số: *332*/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *01* tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 184/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Quảng Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 184/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2016;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-TNMT ngày 15/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2016 trên địa bàn tỉnh tại Điều 1 Nghị quyết số 184/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định Luật Đất đai, trong đó:

1. Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2016 gồm 587 dự án với tổng diện tích 2.602,94 ha; trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 318,64 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 79,8 ha; đất rừng phòng hộ: 112,03 ha; đất rừng đặc dụng: 25,65 ha.

Đơn vị tính: ha

TT	Địa phương	Số lượng danh mục	Tổng diện tích	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TOÀN TỈNH	587	2.602,94	318,64	79,80	112,03	25,65
1	THÀNH PHỐ TAM KỶ	29	100,22	18,44	10,70	9,11	-

2	THÀNH PHỐ HỘI AN	16	32,66	8,09	-	0,41	0,15
3	HUYỆN NÚI THÀNH	61	363,77	15,33	20,58	-	-
4	HUYỆN PHÚ NINH	27	24,50	18,50	5,20	-	-
5	HUYỆN THĂNG BÌNH	55	268,50	28,80	5,33	-	-
6	HUYỆN QUẾ SƠN	151	426,17	68,61	10,05	24,05	-
7	HUYỆN DUY XUYỀN	74	81,89	28,75	6,64	7,01	-
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	80	496,21	113,00	0,54	-	-
9	HUYỆN ĐẠI LỘC	09	17,75	0,95	9,8	-	-
10	HUYỆN NÔNG SƠN	07	14,26	-	3,29	13,55	14,00
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC	04	15,79	0,83	0,50	1,00	-
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG	05	6,62	0,42	0,45	-	-
13	HUYỆN TÂY GIANG	0	-	-	-	-	-
14	HUYỆN NAM GIANG	05	9,76	-	0,96	-	-
15	HUYỆN PHƯỚC SƠN	04	53,48	1,98	-	15,90	-
16	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	26	32,91	7,38	5,02	-	-
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY	9	39,02	4,76	-	-	-
18	HUYỆN NAM TRÀ MY	25	589,43	2,80	0,74	41,00	11,50

2. Danh mục dự án cần thu hồi đất gồm 2.065 dự án với tổng diện tích thu hồi 4.570,13 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 278,14 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 43,76 ha; đất rừng phòng hộ: 79,35 ha; đất rừng đặc dụng: 11,00 ha.

Đơn vị tính: ha

TT	Địa phương	Số lượng dự án	Tổng diện tích đề nghị thu hồi	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TOÀN TỈNH	2.065	4.570,13	278,14	43,76	79,35	11,00
1	THÀNH PHỐ TAM KỲ	104	189,06	18,44	10,7	9,11	
2	THÀNH PHỐ HỘI AN	67	157,87	8,05		0,33	
3	HUYỆN NÚI THÀNH	180	262,94	11,38	6,23		
4	HUYỆN PHÚ NINH	29	20,43	2,31	0,91		
5	HUYỆN THĂNG BÌNH	244	388,21	27,88	5,1		
6	HUYỆN QUẾ SƠN	443	504,09	41,76	4,96	12,00	
7	HUYỆN DUY XUYỀN	219	372,03	23,28	5,6	7,01	
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	181	1.180,65	129,92	0,54		
9	HUYỆN ĐẠI LỘC	27	24,32	4,21	8,32		
10	HUYỆN NÔNG SƠN	12	21,12		2,6		
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC	98	48,35	1,22	0,5	1,00	
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG	35	166,05	0,42	0,45		
13	HUYỆN TÂY GIANG	26	75,25				

14	HUYỆN NAM GIANG	41	42,71		0,95		
15	HUYỆN PHƯỚC SƠN	43	160,86	1,98		15,9	
16	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	127	83,83	4,33	4,48		
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY	102	96,19	4,36			
18	HUYỆN NAM TRÀ MY	87	800,5	2,8	0,74	34	11

(Chi tiết tại phụ lục số 01, 02 kèm theo Nghị quyết số 184/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương căn cứ danh mục, diện tích tại Điều 1, hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2016 trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định Luật Đất đai năm 2013; phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

- Đối với danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách, cần thẩm định nhu cầu sử dụng đất chặt chẽ, nhất là năng lực nhà đầu tư và ký cam kết để đảm bảo tính khả thi của dự án. Từ năm 2016 trở về sau, trường hợp các địa phương đề xuất danh mục không đảm bảo các thông tin theo quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, loại khỏi danh mục trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua; đồng thời, đề xuất xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân thiếu nghiêm túc trong việc thực hiện chủ trương của cấp có thẩm quyền và tổ chức thực hiện không đạt hoặc đạt thấp danh mục và kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt.

- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét bổ sung danh mục thu hồi đất đối với các dự án trọng điểm, cấp bách nhưng chưa thuộc danh mục đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng ở các địa phương.

3. Các Sở, Ban, ngành có liên quan: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch triển khai thực hiện các danh mục dự án đã được phê duyệt của ngành, đơn vị mình; theo dõi, giám sát việc thực hiện các danh mục chung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ vào danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016 và kết quả thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của địa phương trình UBND tỉnh

phê duyệt; thực hiện việc công bố, công khai và triển khai thực hiện các thủ tục đất đai, đầu tư theo quy định pháp luật.

- Quán triệt nguyên tắc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất cao, sản xuất hiệu quả, ổn định để khai thác quỹ đất, sản xuất kinh doanh, dịch vụ; chỉ xem xét đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang khai thác quỹ đất đối với trường hợp tái định cư, sắp xếp, chỉnh trang lại khu dân cư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tại các vùng lõm ở khu vực đô thị, thị trấn, thị tứ.

- Đối với các danh mục dự án đã phê duyệt tại Quyết định này nhưng chưa được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất của địa phương được UBND tỉnh phê duyệt thì phải rà soát, bổ sung vào kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện.

- Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng, cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng nhưng chưa có trong danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất chủ trương, hoàn chỉnh thủ tục để triển khai thực hiện; đồng thời có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp gần nhất.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm và các danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc đăng ký đối với những danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đưa vào kế hoạch sử dụng đất liên tiếp 02 năm mà không triển khai thực hiện và có hướng xử lý cụ thể.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN & MT (B/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dmp\box\Tai 2016\QD0119_tieu_khai
NQ 184 của UBND tỉnh.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh